

Số: 84/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐẾN

Số: 147

Ngày: 12/02/2015

Chuyển:

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ  
trong Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trường ban Ban Khoa học và Công nghệ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Thủ trưởng các đơn vị thành viên và trực thuộc, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, Ban KH&CN.



GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Bình

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ  
TRONG ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-ĐHQG-KHCN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của  
Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích quản lý hoạt động quản trị tài sản trí tuệ**

Quản lý hoạt động quản trị tài sản trí tuệ nhằm mục đích đẩy mạnh hoạt động tạo lập, xác lập quyền, bảo vệ quyền và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của ĐHQG-HCM, tạo nguồn thu bổ sung để phát triển ĐHQG-HCM, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản lý hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM).

**Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của ĐHQG-HCM.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là sản phẩm trí tuệ được tạo ra trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, bao gồm các quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm trí tuệ khác.
2. *Quản trị tài sản trí tuệ* là việc chủ sở hữu tài sản trí tuệ thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với tài sản trí tuệ nhằm tạo lập, xác lập quyền, khai thác, gìn giữ, bảo vệ và phát triển giá trị của tài sản trí tuệ đó.
3. *Phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước* bao gồm nhưng không giới hạn ở mặt bằng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị thử nghiệm, phân tích, và đo lường được đầu tư bằng ngân sách nhà nước.
4. *Sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật* là khi mà việc tiếp cận và sử dụng các phương tiện vật chất kỹ thuật đó là *không hiển nhiên* đối với tổ chức, cá nhân tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và vị trí công tác của mình.
5. *Nhiệm vụ được giao* là nhiệm vụ được xác định theo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, chức danh, hợp đồng lao động, hợp đồng giao việc, khoán việc và các giao kết hợp đồng khác.

## **Điều 5. Các nội dung quản lý hoạt động quản trị tài sản trí tuệ**

Quản lý hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ;
2. Quy định quản trị tài sản trí tuệ, quy định bảo mật và các văn bản khác liên quan của các đơn vị thành viên, trực thuộc;
3. Tổ chức – điều phối hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM, bao gồm:
  - a) Tổ chức và quản lý hoạt động của Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ (SHTT&CGCN) ĐHQG-HCM và bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ tại các đơn vị thành viên, trực thuộc; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về quản trị tài sản trí tuệ;
  - b) Thông báo, ghi nhận và xác lập quyền các tài sản trí tuệ;
  - c) Thực thi quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ;
  - d) Quản lý, khai thác thương mại các tài sản trí tuệ;
  - đ) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ;
4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, pháp luật sở hữu trí tuệ của Nhà nước;
5. Giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quản trị tài sản trí tuệ.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

#### **Điều 6. Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ**

1. Giám đốc ĐHQG-HCM giao cho ban KH&CN chủ trì việc xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tạo lập, xác lập quyền, bảo vệ quyền và khai thác thương mại tài sản trí tuệ trong toàn ĐHQG-HCM.
2. Giám đốc Trung tâm SHTT&CGCN, Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị trên cơ sở chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM và thể mạnh của đơn vị trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.
3. Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc là cơ sở quan trọng để ĐHQG-HCM xem xét, ưu tiên đầu tư kinh phí khoa học và công nghệ cho đơn vị.

#### **Điều 7. Quy định quản trị tài sản trí tuệ của các đơn vị thành viên, trực thuộc**

1. Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc ban hành quy định quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị mình theo thẩm quyền nhằm cụ thể hóa và phù hợp với những nội dung của Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM.
2. Tùy theo yêu cầu thực tiễn quản trị tài sản trí tuệ, thủ trưởng đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc ban hành quy định bảo mật và các văn bản liên quan khác phục vụ cho hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp quy định của ĐHQG-HCM và Quy chế này.

## **Điều 8. Trung tâm SHTT&CGCN ĐHQG-HCM**

1. Trung tâm SHTT&CGCN ĐHQG-HCM là đơn vị sự nghiệp công lập, do Giám đốc ĐHQG-HCM thành lập để hỗ trợ việc thực hiện công tác quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM theo ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ của Giám đốc ĐHQG-HCM.
2. Trung tâm SHTT&CGCN có trách nhiệm tư vấn cho Giám đốc ĐHQG-HCM thông qua ban KH&CN các vấn đề thuộc chuyên môn của Trung tâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tạo lập, xác lập quyền và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM.
3. Giám đốc ĐHQG-HCM ủy quyền cho Trung tâm SHTT&CGCN thực hiện việc xác lập quyền, bảo vệ quyền và khai thác thương mại danh mục các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM, bao gồm các nhiệm vụ sau:
  - a) Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu phục vụ hoạt động quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM;
  - b) Phát hiện, ghi nhận, thực hiện thủ tục xác lập quyền, bảo vệ quyền đối với các tài sản trí tuệ; lưu giữ bản gốc, văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM;
  - c) Quản lý danh mục, định giá và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM;
  - d) Thống kê, báo cáo kết quả hoạt động quản trị tài sản trí tuệ định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của ĐHQG-HCM;
  - đ) Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM;
  - e) Theo dõi việc tuân thủ Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, và pháp luật SHTT của nhà nước;
  - g) Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan do Giám đốc ĐHQG-HCM giao.
4. Giám đốc ĐHQG-HCM giao Trung tâm SHTT&CGCN quản lý các cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ (nếu có) dùng chung trong ĐHQG-HCM.

## **Điều 9. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ tại các đơn vị thành viên, trực thuộc**

1. Để quản trị hiệu quả tài sản trí tuệ thuộc thẩm quyền, các đơn vị thành viên, trực thuộc thành lập bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ được tổ chức độc lập hoặc trực thuộc phòng, bộ phận quản lý khoa học và công nghệ của đơn vị.
2. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ có chức năng giúp thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sau:
  - a. Xây dựng và tham mưu ban hành chiến lược phát triển tài sản trí tuệ, quy định quản trị tài sản trí tuệ và quy định bảo mật của đơn vị;
  - b. Xây dựng các quy trình, thủ tục, biểu mẫu phục vụ hoạt động quản trị tài sản trí tuệ;
  - c. Phát hiện, ghi nhận, thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ; lưu giữ bản gốc, văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của đơn vị;
  - d. Quản lý danh mục, định giá và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ;

- d) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị các thủ tục pháp lý liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
  - e) Thống kê, báo cáo hoạt động quản trị tài sản trí tuệ;
  - g) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Quy định quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, và pháp luật SHTT của nhà nước;
  - h) Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về SHTT cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị trên cơ sở các văn bản, quy định thống nhất trong toàn ĐHQG-HCM;
  - h) Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan do thủ trưởng đơn vị giao.
3. Người đứng đầu bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài sản trí tuệ hoặc được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về quản trị tài sản trí tuệ do ĐHQG-HCM chỉ định.
  4. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm bố trí nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất-phương tiện đảm bảo hoạt động của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ.

#### **Điều 10. Thông báo, phát hiện, ghi nhận tài sản trí tuệ**

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời các tài sản trí tuệ do mình trực tiếp tạo ra trong khuôn khổ các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ không kể nguồn lực sử dụng để tạo lập các tài sản trí tuệ đó cho tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý các tài sản trí tuệ này.
2. Thông báo nêu tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến ĐHQG-HCM và Trung tâm SHTT&CGCN đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp thông qua ĐHQG-HCM và do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phê duyệt hoặc trên cơ sở sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM.
3. Thông báo nêu tại các khoản 1 Điều này phải được gửi đến bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp không thông qua ĐHQG-HCM và không phải do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phê duyệt, ngân sách tự chủ của đơn vị, sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị, ngân sách tài trợ của các tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM và các nguồn lực khác.
4. Trung tâm SHTT&CGCN và bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của các đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân liên quan nhằm kịp thời phát hiện, ghi nhận và thực hiện việc xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập.

#### **Điều 11. Quyền của tác giả, đồng tác giả**

1. Cá nhân trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ và sự đóng góp trí tuệ tương ứng thỏa các tiêu chí sáng tạo tương ứng với từng loại tài sản trí tuệ cụ thể sẽ được hưởng quyền của tác giả theo quy định của pháp luật SHTT. Trường hợp có nhiều cá nhân cùng tham gia sáng tạo ra tài sản trí tuệ thì mỗi cá nhân là đồng tác giả của

tài sản đó và các đồng tác giả tự thỏa thuận bằng văn bản về tỷ lệ phân chia quyền của mình.

2. Tác giả hoặc đồng tác giả được trả nhuận bút, thù lao hoặc các quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật SHTT, ngoại trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.
3. Quyền được nhận nhuận bút, thù lao hoặc các quyền lợi vật chất khác của tác giả, đồng tác giả tồn tại trong suốt thời hạn bảo hộ của tài sản trí tuệ là quyền SHTT hoặc theo thỏa thuận đối với các tài sản trí tuệ khác, trừ trường hợp tài sản trí tuệ đó được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.
4. ĐHQG-HCM và đơn vị thành viên, trực thuộc thỏa thuận bằng văn bản với tác giả, đồng tác giả về các quyền nhân thân nhằm làm thuận lợi việc khai thác thương mại các tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan.

#### **Điều 12. Quyền đăng ký, quyền sở hữu và quyền sử dụng**

1. ĐHQG-HCM sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp thông qua ĐHQG-HCM và do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phê duyệt.
2. ĐHQG-HCM sở hữu phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng một phần ngân sách nhà nước cấp thông qua ĐHQG-HCM và do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định phê duyệt hoặc trên cơ sở sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM. Giám đốc ĐHQG-HCM giao Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đàm phán với các đối tác và trình Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định về tỷ lệ phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh tương ứng với phần ngân sách nhà nước cấp hoặc giá trị của tài sản trí tuệ sử dụng thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM.
3. ĐHQG-HCM xem xét, quyết định việc giao toàn bộ hoặc một phần quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền sử dụng cho đơn vị thành viên, trực thuộc là tổ chức chủ trì việc tạo lập các tài sản trí tuệ nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để quản lý, khai thác thương mại trên cơ sở đề xuất của đơn vị. Việc giao các quyền có thể thực hiện tại bất kỳ thời điểm nào khi đối tượng quyền phát sinh và/hoặc có yêu cầu của đơn vị thành viên, trực thuộc. Quy trình, thủ tục giao quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền sử dụng được thực hiện theo quy định của nhà nước.
4. ĐHQG-HCM thỏa thuận bằng văn bản với các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM về việc ưu tiên cấp quyền sử dụng, quyền sở hữu cho đơn vị thành viên, trực thuộc là tổ chức chủ trì việc tạo lập các tài sản trí tuệ nêu tại khoản 2 Điều này.
5. Tỷ lệ phân chia quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quy định như sau, ngoại trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác:
  - a) Đối với tài sản trí tuệ được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp thông qua ĐHQG-HCM, do ĐHQG-HCM trực tiếp tổ chức thẩm định và quản lý hoặc ủy quyền cho đơn vị chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG-HCM loại A): ĐHQG-HCM sở hữu 60%, đơn vị chủ trì sở hữu 40%;

- b) Đối với tài sản trí tuệ được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp thông qua ĐHQG-HCM, do ĐHQG-HCM tổ chức thẩm định và ủy quyền cho đơn vị chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG-HCM loại B): ĐHQG-HCM sở hữu 50%, đơn vị chủ trì sở hữu 50%;
  - c) Đối với tài sản trí tuệ được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp thông qua ĐHQG-HCM, do ĐHQG-HCM ủy quyền cho đơn vị chủ trì đề tài chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý (tạm gọi là Đề tài ĐHQG-HCM loại C): ĐHQG-HCM sở hữu 30%, đơn vị chủ trì sở hữu 70%;
  - d) Đối với tài sản trí tuệ được tạo lập từ đề tài sử dụng kinh phí cấp từ nguồn kinh phí tự chủ của các đơn vị và một phần từ nguồn kinh phí của ĐHQG-HCM, do đơn vị chủ trì đề tài chịu trách nhiệm quản lý (tạm gọi là Đề tài cấp cơ sở): đơn vị chủ trì sở hữu 100%.
6. Đơn vị thành viên, trực thuộc sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng các nguồn ngân sách tự chủ của đơn vị.
  7. Quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị thành viên, trực thuộc không thông qua ĐHQG-HCM được xác định theo thỏa thuận bằng hợp đồng giữa đơn vị thành viên, trực thuộc với cơ quan Nhà nước trực tiếp quản lý nguồn ngân sách đó.
  8. Đơn vị thành viên, trực thuộc sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở sử dụng các nguồn ngân sách tài trợ của các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
  9. Đơn vị thành viên, trực thuộc sở hữu phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ được tạo lập trên cơ sở có sử dụng đáng kể phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị trong khuôn khổ hợp tác với các đối tác là tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM. Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc được giao quyền đàm phán với các đối tác và quyết định về tỷ lệ phần quyền đăng ký và phần quyền sở hữu phát sinh tương ứng với việc sử dụng các phương tiện vật chất kỹ thuật của nhà nước.
  10. Đơn vị thành viên, trực thuộc sở hữu quyền đăng ký và quyền sở hữu phát sinh đối với các tài sản trí tuệ tạo ra trong quá trình thực hiện luận văn, luận án hoặc các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được đơn vị tài trợ kinh phí hoặc có sử dụng đáng kể phương tiện vật chất-kỹ thuật của nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị. Người học được hưởng quyền của tác giả theo quy định của pháp luật SHTT nếu người hướng dẫn và người học không có thỏa thuận khác.
  11. Đơn vị thành viên, trực thuộc có quyền chuyển nhượng quyền đăng ký hoặc phần quyền đăng ký thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị với các điều kiện thương mại hợp lý.
  12. Tên chủ sở hữu ghi trên văn bằng bảo hộ đối với các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị thành viên, trực thuộc phải được ghi thống nhất như sau: "tên đơn vị thành viên hoặc đơn vị trực thuộc - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh".

**Điều 13. Xác lập quyền đối với tài sản trí tuệ**

1. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm thực hiện việc xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị.
2. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc thực hiện thủ tục đăng ký đối với các tài sản trí tuệ phải đăng ký để xác lập quyền hoặc ký hợp đồng dịch vụ với các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ để thực hiện thủ tục đăng ký theo định mức phí dịch vụ do ĐHQG-HCM quy định.
3. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quy định đơn vị hoặc bộ phận có trách nhiệm lưu chứng bản gốc, bản định hình đầu tiên đối với các tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm lập danh sách, trình thủ trưởng đơn vị quyết định và thực hiện thủ tục đăng ký xác nhận quyền đối với các tài sản trí tuệ là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan có nguy cơ tranh chấp quyền cao.
4. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ thực hiện các biện pháp bảo mật theo quy định quản trị tài sản trí tuệ hoặc quy định bảo mật của đơn vị thành viên, trực thuộc đối với các tài sản trí tuệ được lựa chọn bảo hộ dưới dạng bí mật kinh doanh, bảo đảm điều kiện bảo hộ của Luật Sở hữu trí tuệ.
5. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ chịu trách nhiệm thỏa thuận và trình thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quyết định về đại diện thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ mà đơn vị đồng sở hữu quyền đăng ký với tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM.
6. Giám đốc ĐHQG-HCM giao Trung tâm SHTT&CGCN thực hiện việc xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM.
7. Cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM, đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ kịp thời Trung tâm SHTT&CGCN hoặc bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc trong hoạt động xác lập quyền đối với các tài sản đó.

**Điều 14. Chi phí thực hiện thủ tục xác lập quyền, chi phí gia hạn hiệu lực quyền, chi phí thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ**

1. Chi phí cho việc thực hiện thủ tục xác lập quyền, chi phí gia hạn hiệu lực quyền, chi phí thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ được thực hiện như sau:
  - a) Trường hợp các chi phí này đã được dự toán thành khoản mục riêng trong dự toán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ được duyệt thì chi theo mức dự toán đó.
  - b) Trường hợp các chi phí thực tế lớn hơn mức dự toán được duyệt thì được trích bổ sung từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học đã được cấp theo kế hoạch năm.
  - c) Trường hợp các chi phí này không được dự toán thành khoản mục riêng trong dự toán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ được duyệt thì chi phí được trích từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học đã được cấp theo kế hoạch năm.
2. Chi phí điểm b và điểm c, khoản 1, Điều này được phân chia theo tỷ lệ tương ứng với phần quyền đăng ký thuộc về ĐHQG-HCM, hoặc đơn vị thành viên, trực thuộc và được thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 12.



3. Đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm lập kế hoạch ngân sách cho việc đăng ký xác lập quyền, gia hạn hiệu lực quyền và thực hiện bảo mật đối với tài sản trí tuệ được ghi nhận theo quy định tại Điều 10 trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.
4. Trưởng bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ trình Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quyết định việc trích bổ sung kinh phí nêu tại điểm b và điểm c, khoản 1, Điều này đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị và được thực hiện theo khoản 5, Điều 12.
5. Giám đốc Trung tâm SHTT&CGCN có trách nhiệm lập kế hoạch ngân sách cho việc đăng ký xác lập quyền đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được ghi nhận theo quy định tại Điều 10 và ngân sách cho việc duy trì hiệu lực các văn bằng bảo hộ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM, trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.
6. Giám đốc Trung tâm SHTT&CGCN trình Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định việc trích bổ sung kinh phí nêu tại điểm b và điểm c, khoản 1, Điều này đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM và được thực hiện theo khoản 5, Điều 12.
7. ĐHQG-HCM quy định định mức phí dịch vụ thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền.
8. Đơn vị thành viên, trực thuộc và Trung tâm SHTT&CGCN có trách nhiệm lập báo cáo khả thi về các phương án khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ cần được thực hiện thủ tục đăng ký xác lập quyền quốc tế trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.

#### **Điều 15. Bảo mật thông tin**

1. Tổ chức, cá nhân, đặc biệt là nhân viên của Trung tâm SHTT&CGCN và bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ thuộc đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến các tài sản trí tuệ được tạo lập trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các điều kiện xác lập quyền và khai thác thương mại của các tài sản trí tuệ đó; tổ chức, cá nhân làm tiết lộ thông tin gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật
2. Quy trình, thủ tục bảo mật thông tin được thực hiện theo quy định của ĐHQG-HCM.

#### **Điều 16. Quản lý, khai thác thương mại tài sản trí tuệ**

1. Bộ phận quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm:
  - a) Lập danh mục tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu của đơn vị thành viên, trực thuộc và các tài sản trí tuệ được tạo ra trong các hoạt động hợp tác với các đối tác khác, không thuộc sở hữu của đơn vị nhưng đơn vị có ưu quyền trong chuyển giao các tài sản này;
  - b) Định kỳ hàng năm, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ trình thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quyết định phương án khai thác thương mại và ước định giá trị các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị thành viên, trực thuộc; tham mưu và thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các văn bằng bảo hộ được đánh giá còn giá trị khai thác thương mại. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc thành lập hội đồng chuyên môn để

- đánh giá, tư vấn về quyết định không thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của đơn vị;
- c) Tổ chức triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị thành viên, trực thuộc;
  - d) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc ký kết các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền, hợp đồng liên doanh, góp vốn bằng tài sản trí tuệ, hợp đồng hợp tác nghiên cứu và các hợp đồng liên quan khác;
  - đ) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc về việc thành lập các tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp để thúc đẩy khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.
2. Giám đốc ĐHQG-HCM giao Trung tâm SHTT&CGCN thực hiện việc quản lý, khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM.
  3. Cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM, hoặc của đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ kịp thời Trung tâm SHTT&CGCN hoặc bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc trong hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ.

#### **Điều 17. Phân bổ lợi nhuận từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ**

1. Lợi nhuận thu được từ hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của ĐHQG-HCM được phân bổ cho các bên liên quan sau:
  - a) Trả thù lao cho tác giả và đồng tác giả (nếu có): chiếm 30%;
  - b) Tổ chức, cá nhân môi giới: tối đa không quá 10%;
  - c) Đơn vị thành viên, trực thuộc là tổ chức chủ trì tạo lập tài sản trí tuệ;
  - d) ĐHQG-HCM.
2. Sau khi trừ đi các khoản trả thù lao cho tác giả, đồng tác giả, tổ chức, cá nhân môi giới nêu tại điểm a và b thuộc Khoản 1 Điều này, phần lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia giữa ĐHQG-HCM (Điểm d, Khoản 1, Điều này) và các đơn vị thành viên, trực thuộc (Điểm c, Khoản 1, Điều này) sẽ được phân chia theo tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng nêu tại Khoản 5 Điều 12.
3. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận cho các bên được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan.
4. Thù lao cho tác giả, đồng tác giả nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này được chia đều cho các đồng tác giả, trừ trường hợp các đồng tác giả có thỏa thuận khác và được chi trả trong suốt thời gian bảo hộ của các tài sản trí tuệ là quyền sở hữu trí tuệ hoặc theo thỏa thuận đối với các tài sản trí tuệ khác, trừ trường hợp tài sản trí tuệ đó được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định việc trích chuyển một phần nguồn thu nêu tại điểm d, khoản 1 Điều này phục vụ cho công tác quản lý, xúc tiến khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

6. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quy định cụ thể về việc phân bổ lợi nhuận thu từ khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của đơn vị.

#### **Điều 18. Kiểm soát các xung đột lợi ích**

1. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quy định cụ thể về việc kiểm soát các xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa:
  - a) Mục tiêu học thuật và mục tiêu tài chính liên quan đến hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ;
  - b) Mục tiêu học thuật và mục tiêu phục vụ cộng đồng;
  - c) Lợi ích của đơn vị thành viên, trực thuộc và lợi ích của tác giả, đồng tác giả trong các giao dịch li-xăng hoặc chuyển nhượng quyền;
  - d) Xung đột lợi ích liên quan khác.
2. Các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm thông báo kịp thời cho bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ các xung đột lợi ích phát sinh được cho là có khả năng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích vật chất và phi vật chất của đơn vị.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Trách nhiệm của Ban Khoa học và Công nghệ**

1. Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ ĐHQG-HCM có trách nhiệm tham mưu, giúp Giám đốc ĐHQG-HCM tổ chức thực hiện Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM với các nội dung chính như sau:
  - a) Xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM;
  - b) Sửa đổi, bổ sung, trình Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM;
  - c) Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM, pháp luật SHTT của nhà nước;
  - d) Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động tạo lập và khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ;
  - đ) Thành lập mới các đơn vị trực thuộc nhằm thực hiện mục tiêu đẩy mạnh hoạt động tạo lập và khai thác thương mại tài sản trí tuệ;
  - e) Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về SHTT cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của ĐHQG-HCM;
  - g) Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của Trung tâm SHTT&CGCN, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của các đơn vị thành viên và trực thuộc.
2. Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ ĐHQG-HCM có thể ủy quyền hoặc tham mưu Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ cho Trung tâm SHTT&CGCN thực hiện một số nội dung chuyên môn nêu tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị thành viên, trực thuộc**

Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM tại đơn vị mình quản lý với các nội dung chính như sau:

1. Xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM và thế mạnh của đơn vị;
2. Xây dựng và ký ban hành quy định quản trị tài sản trí tuệ, quy định bảo mật và các văn bản liên quan khác nhằm cụ thể hóa những nội dung của Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM;
3. Thành lập và đưa vào hoạt động bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ;
4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Quy định quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị, Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM, và pháp luật SHTT của nhà nước;
5. Xây dựng chính sách khen thưởng, phân phối phần nguồn thu thuộc thẩm quyền của mình từ hoạt động khai thác thương mại nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động tạo lập và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ;
6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị thành viên, trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tài sản trí tuệ;
7. Xây dựng tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp hỗ trợ hoạt động khai thác thương mại các tài sản trí tuệ;
8. Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động tạo lập và khai thác thương mại đối với các tài sản trí tuệ trong đơn vị;
9. Xây dựng văn hóa, phổ biến và cập nhật kiến thức về SHTT cho các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

#### **Điều 21. Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ**

1. Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ được khuyến khích giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải.
2. Bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ của đơn vị thành viên, trực thuộc là đầu mối tổ chức thương lượng, hòa giải các tranh chấp thuộc đơn vị mình. Trường hợp tổ chức thương lượng, hòa giải không thành, bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ đề xuất hướng xử lý theo quy định của pháp luật cho thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc.
3. Đối với các trường hợp tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ liên đơn vị thành viên, trực thuộc, Ban Khoa học và Công nghệ ĐHQG-HCM sẽ trực tiếp hoặc ủy quyền cho Trung tâm SHTT&CGCN làm đầu mối tổ chức thương lượng, hòa giải. Trường hợp tổ chức thương lượng, hòa giải không thành, Ban Khoa học và Công nghệ hoặc Trung tâm SHTT&CGCN đề xuất hướng xử lý theo quy định của pháp luật cho Giám đốc ĐHQG-HCM.

#### **Điều 22. Thanh tra, kiểm tra hoạt động quản trị tài sản trí tuệ**

1. Ban Khoa học và Công nghệ ĐHQG-HCM định kỳ hàng năm trực tiếp kiểm tra hoặc ủy quyền cho Trung tâm SHTT&CGCN thực hiện việc kiểm tra hoạt động quản trị tài sản trí tuệ của các đơn vị thành viên, trực thuộc.
2. Kiểm tra hoạt động quản trị tài sản trí tuệ tại đơn vị thành viên, trực thuộc bao gồm các nội dung sau:
  - a) Xây dựng chiến lược phát triển tài sản trí tuệ;

- b) Tuân thủ Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM, pháp luật SHTT của nhà nước;
  - c) Tổ chức và hoạt động của bộ phận chuyên trách quản trị tài sản trí tuệ;
  - d) Hoạt động thông báo, ghi nhận và xác lập quyền;
  - đ) Quản lý, khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu, quyền sử dụng của đơn vị;
  - e) Quản lý tài chính đối với hoạt động quản trị tài sản trí tuệ;
  - g) Giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm;
  - h) Các hoạt động liên quan khác.
3. Giám đốc ĐHQG-HCM tổ chức thanh tra nội bộ để giải quyết các khiếu nại, tố cáo về các sai phạm liên quan đến thực thi Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, pháp luật SHTT của nhà nước.

#### **Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của ĐHQG-HCM, tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
3. Giám đốc ĐHQG-HCM quy định chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm về quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM.
4. Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc quy định cụ thể chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm trong đơn vị của mình trên cơ sở tuân thủ chính sách khen thưởng và xử lý vi phạm của ĐHQG-HCM.

### **Chương IV**

#### **CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quy định sở hữu trí tuệ trong ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 201/QĐ/ĐHQG-KHCN của Giám đốc ĐHQG-HCM ngày 04 tháng 3 năm 2009.

##### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn quản trị tài sản trí tuệ trong ĐHQG-HCM hoặc theo sự sửa đổi và bổ sung của pháp luật SHTT.



**Phan Thanh Bình**